

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUÝ IV

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Ủy ban nhân dân Quận 12 công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý IV như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý IV	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện Quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.596.513	1.334.147	83,57%	114,67%
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.596.513	1.334.147	83,57%	114,67%
1	Chi quản lý hành chính	261.401	194.474	74,40%	113,00%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	93.163	80.214	86,10%	98,28%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	168.238	114.259	67,92%	126,28%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	898.192	756.600	84,24%	125,52%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	408.264	378.221	92,64%	92,11%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	489.928	378.379	77,23%	196,88%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	125.859	106.096	84,30%	157,72%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	24.393	20.666	84,72%	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	101.466	85.430	84,20%	127,00%
5	Chi bảo đảm xã hội	84.702	95.990	113,33%	60,48%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý IV	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện Quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	84.702	95.990	113,33%	60,48%
6	Chi hoạt động kinh tế	95.938	75.508	78,71%	105,40%
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	95.938	75.508	78,71%	105,40%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	50.559	37.307	73,79%	113,14%
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	50.559	37.307	73,79%	113,14%
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	12.088	8.862	73,31%	151,96%
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.894	3.879	79,25%	135,30%
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.194	4.983	69,27%	168,07%
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.137	436	38,36%	14,65%
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.137	436	38,36%	36,51%
11	Chi quốc phòng	45.969	41.150	89,52%	123,08%
11.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.766	2.880	76,48%	102,35%
11.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	42.203	38.269	90,68%	124,99%
12	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	20.668	17.056	82,53%	108,22%
12.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	20.668	17.056	82,53%	108,22%
12	Chi khác	0	668		
12.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		668		
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Các phòng ban, Đoàn thể quận;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- UBND 11 phường;
- Website Quận 12;
- Lưu: (VT, Tầm).

nh

Quận 12, ngày 08 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Văn Đức